

ĐẤU TRANH BẢO VỆ QUYỀN TỰ QUYẾT DÂN TỘC TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS NGUYỄN CHÍ THẢO

Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

13-8-2023

Ngày thẩm định, đánh giá:

5-9-2023

Ngày duyệt đăng:

6-9-2023

Tóm tắt: Quyền tự quyết dân tộc là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Cách mạng Việt Nam kể từ năm 1945 đến nay là tiến trình đấu tranh cho quyền tự quyết của dân tộc để đi tới cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Đây không chỉ là mong ước chân chính của nhân dân Việt Nam mà còn là mục tiêu chung, chính đáng của nhân loại tiến bộ trên thế giới. Lịch sử nhiều quốc gia cho thấy, dưới tác động của các điều kiện và thời điểm khác nhau, con đường thực hiện mong muốn và đi đến mục tiêu đó cũng không hoàn toàn giống nhau.

Từ khóa:

Quyền tự quyết; dân tộc; tự do; cách mạng Việt Nam; năm 1945

Lịch sử của nhiều quốc gia - dân tộc trên thế giới đã có sự hình thành từ lâu. Tuy nhiên, xét trên phương diện chính trị, vấn đề độc lập dân tộc của mỗi quốc gia như là một trong những nội hàm cơ bản, cốt lõi trong quyền tự quyết cũng như chủ quyền và lợi ích của quốc gia lại được đặt ra gắn liền với quá trình phát sinh, phát triển của các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu, Bắc Mỹ và dần dần được chấp nhận trong quá trình hình thành nên quan hệ quốc tế hiện đại¹. Với bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776, nền cộng hòa của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chính thức được thành lập, trở thành thuộc địa đầu tiên trong thời đại tư bản chủ nghĩa giành được độc lập, và trở thành tiền lệ quốc tế

quan trọng trong việc thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc, trước hết là các dân tộc thuộc địa trên thế giới.

Nguyên tắc tự quyết dân tộc được ghi nhận trong các điều ước quốc tế và tập quán quốc tế. Lần đầu tiên, nguyên tắc này được ghi nhận trong Hiến chương Liên Hợp quốc ngay từ buổi đầu thành lập² và cụ thể hóa trên nhiều phương diện từ sau năm 1945. Năm 1960, Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua Nghị quyết số 1514 (XV) về “Tuyên bố trao độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa” đã ghi nhận nội hàm rõ ràng hơn của nguyên tắc này: “Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết; dựa trên quyền đó, các dân tộc tự do quyết định chế độ chính trị của mình và

tự do mưu cầu phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa”³³. Tiếp đó, vào năm 1966, Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) và Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) đã khẳng định nguyên tắc tự quyết dân tộc là một điều ước quốc tế mà các quốc gia tham gia ký kết bắt buộc tuân theo.

Theo đó, nguyên tắc tự quyết dân tộc hàm nghĩa trên các khía cạnh: *Một là*, các dân tộc có quyền tự do quyết định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của mình mà không có sự can thiệp từ các quốc gia khác - nội dung này có sự kết hợp với nguyên tắc cấm can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác và nguyên tắc bình đẳng chủ quyền, và cả nguyên tắc cấm đe dọa sử dụng hay sử dụng vũ lực. Tương lai của mỗi dân tộc do chính dân tộc đó quyết định. *Hai là*, tất cả các quốc gia có nghĩa vụ phải tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc, không có hành vi ngăn cản việc thực thi quyền này, và cần hỗ trợ, giúp đỡ các dân tộc và Liên Hợp quốc trong việc chấm dứt chủ nghĩa thuộc địa và hiện thức hóa quyền này. Các quốc gia cũng không được lợi dụng quyền này để phá hoại toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất chính trị của các quốc gia. *Ba là*, quyền tự quyết dân tộc không cho phép chủ nghĩa thực dân tiếp tục tồn tại, không cho phép một quốc gia cưỡng ép, bóc lột một dân tộc khác. Đối với các dân tộc thuộc địa hay lãnh thổ không tự trị, Liên Hợp quốc giúp đỡ các dân tộc này thực thi quyền tự quyết.

Lịch sử cho thấy, nền độc lập thực sự là cơ sở, là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển tiếp theo của mỗi quốc gia - dân tộc. Trên phạm vi thế giới, quyền tự quyết dân tộc và quyền của con người đã đạt được những bước tiến dài, quan trọng. Người dân trên hàng chục quốc gia thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ La tinh đã giành được quyền dân tộc tự quyết, tự lựa chọn con đường phát triển của

minh. Hàng triệu người lao động trên thế giới đã được bảo đảm về giờ lao động và các quyền của khác của người lao động; hàng triệu phụ nữ đã được bảo đảm quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử và tham gia vào đời sống chính trị, xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trong vấn đề dân tộc và dân chủ, nhìn chung các cuộc cách mạng tư sản còn bộc lộ nhiều hạn chế: Bản chất của những cuộc cách mạng này là “không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”³⁴. “Quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc” của người dân, xét đến cùng, không giải quyết được nếu chỉ qua cách mạng tư sản, do giai cấp tư sản lãnh đạo. Chỉ có cuộc cách mạng vô sản mới đáp ứng được nguyện vọng của đại đa số quần chúng lao động, đáp ứng yêu cầu trong thực tiễn không chỉ là cơ bản mà còn là toàn diện, sâu sắc nhất về quyền tự nhiên, vốn có của con người trong đời sống xã hội; qua đó, đặt nền tảng và định hướng cho sự phát triển của quyền con người, tiến tới một thời kỳ lịch sử mà trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”³⁵.

2 Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là nền độc lập của dân tộc, tự do hoàn toàn cho nhân dân và đảm bảo bình đẳng về quyền lợi giữa con người với nhau. Điều này được khẳng định ngay đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945. Hồ Chí Minh đã viện dẫn đến nguyên lý phổ biến của nhân loại đó là “quyền sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc” của mỗi nước nói chung, của mỗi người dân nói riêng.

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ XX diễn ra trong bối cảnh chế độ thuộc địa do các nước thực dân, đế quốc - con đẻ của các cuộc cách mạng tư sản - gieo rắc sự thống khổ cho

rất nhiều các dân tộc, từ châu Á đến châu Phi, châu Mỹ Latinh,... Con đường mà mỗi dân tộc lựa chọn không những phải đảm bảo giữ vững được nền độc lập, mà còn định hướng đi đến mục tiêu nhân bản, đảm bảo được “quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc” như là “quyền tự nhiên” mà mỗi một người dân của dân tộc đó xứng đáng được thụ hưởng.

Dưới ách bóc lột của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, giải quyết vấn đề độc lập dân tộc ở Việt Nam phải bao hàm những nội dung cốt lõi của quyền tự quyết dân tộc: Độc lập dân tộc phải đảm bảo đó thực sự là một nền độc lập hoàn toàn, vì con người, quyền con người phải giải quyết bằng cách nào và làm sao để hiện thực hóa một cách đầy đủ nhất, nhân văn nhất, nghĩa là theo con đường đấu tranh để xác lập một chế độ xã hội thật sự vì con người. Với định hướng này, quyền tự quyết dân tộc trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến nay tập trung vào các phương diện:

Một là, đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam xuất phát từ việc đòi quyền làm chủ vận mệnh đất nước và lòng yêu nước thương nòi. Trước năm 1945, thực dân Pháp sau khi xâm lược đã tiến hành thiết lập chế độ chính trị thực dân, phong kiến. Mọi đặc quyền về chính trị và kinh tế hoàn toàn thuộc về giai cấp tư sản Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ và tầng lớp tư sản mại bản Việt Nam. Không những thế, chế độ thống trị thực dân phong kiến còn thẳng tay bóc lột và áp bức tàn bạo các tầng lớp nhân dân lao động, tước đoạt các quyền tự do dân chủ, đàn áp mọi phong trào đấu tranh đòi dân chủ của nhân dân. Thế nhưng, thời gian gần đây vẫn xuất hiện ý kiến cho rằng, nếu như “đừng đuổi nền văn minh do Pháp đưa sang Đông Dương” hay là “giữ lại chế độ quân chủ của nhà Nguyễn” thì Việt Nam hoàn toàn có thể không có “nội chiến”,

“nồi da nấu thịt” hay “tránh được hai cuộc chiến tranh kéo dài và đẫm máu trong thế kỷ XX”,... Đây là ý kiến hoàn toàn vô lý, phi thực tiễn và cố tình quên rằng, mỗi dân tộc đều có quyền tự quyết của riêng mình và từ giá trị, lương tâm của con người, nhân dân Việt Nam tự khắc biết phải lựa chọn phù nhận hay ủng hộ chế độ xã hội nào. Thực tiễn cho thấy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bùng nổ đã phát huy cao độ tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm, nghị lực cách mạng phi thường của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ chính quyền để xây dựng xã hội mới. Lần đầu tiên trong lịch sử, những người lao động bị áp bức đứng lên thực hiện vai trò làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình.

Hai là, sử dụng mọi biện pháp, thông qua mọi cách thức để giữ cho được nền độc lập và hòa bình. Sau khi Việt Nam giành được độc lập, thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Cuộc đấu tranh này quả thực hết sức khó khăn, bởi lòng mong muốn hòa bình của nhân dân Việt Nam đứng trước dã tâm của thực dân Pháp khi không chịu chấp nhận thực tế lịch sử và khát vọng của nhân loại sau khi chứng kiến hậu quả khốc liệt của Chiến tranh thế giới II vừa mới kết thúc. Một điều đáng phê phán là ngay cả với thực tế rõ ràng như vậy, nhưng vẫn có hướng truy xét và lòng trách nhiệm của Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như là “nguyên nhân”, là “tội đồ”,... gây ra chiến tranh Việt - Pháp. Quan điểm khách quan đối với lịch sử giai đoạn 1945-1946, đặc biệt là với Hiệp ước Sơ bộ ngày 6-3-1946 rõ ràng hơn hết, Việt Nam đã chấp nhận trở thành một nước “tự do” trong Liên hiệp Pháp, hạn chế nhiều đến độc lập thực sự, nhưng thế lực thực dân hiếu chiến ở Đông Dương và ở nước Pháp cũng như ý đồ của một số cường quốc sau Chiến tranh thế giới II buộc nhân

dân Việt Nam phải hành động, đứng lên quyết đấu tranh cho một nền độc lập hoàn toàn.

Ba là, nhân dân Việt Nam lựa chọn con đường để mỗi người dân trở thành chủ thể thực sự chế độ xã hội; đồng thời, tham gia một cách tự giác vào công cuộc xây dựng một chế độ xã hội hoàn toàn vì con người, phấn đấu vì hạnh phúc của tất cả mọi người. Trong các thời kỳ lịch sử trước đây, đã xuất hiện các tư tưởng biểu hiện nguyện vọng muốn thiết lập một xã hội không có tình trạng người bóc lột người và các hình thức bất bình đẳng khác về xã hội. V.I.Lênin cho rằng: “Đã lâu rồi, đã hàng bao thế kỷ nay, thậm chí hàng ngàn năm nay, nhân loại mong ước thủ tiêu “lập tức” mọi sự bóc lột”⁶. Nhưng những mong muốn, ước vọng của tầng lớp lao động trong các xã hội cũ vẫn chỉ là những điều xa vời, không thực tế, họ không tìm ra được con đường, cách thức để thực sự giải phóng mình khỏi áp bức, bất công. Cũng có không ít các cuộc khởi nghĩa, đấu tranh, có cả cuộc cách mạng xã hội nhằm xóa bỏ xã hội cũ, thay đổi cuộc sống, song hầu như thất bại, hoặc khi thành công lại vẫn không vượt ra khỏi vết xe cũ, không từ bỏ được cái căn nguyên của chế độ người bóc lột người, của bất bình đẳng, đó là chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Chính vì vậy, chế độ phong kiến phủ định chế độ chiếm hữu nô lệ, rồi chế độ tư bản chủ nghĩa phủ định chế độ phong kiến, đều là nấc thang trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại, song đó cũng lại chính là nấc thang bóc lột đa dạng hơn, tinh vi hơn. Khát vọng về một xã hội công bằng, bình đẳng, không còn người bóc lột người của những con người lao động càng cháy bỏng hơn.

Đối với dân tộc Việt Nam, con đường phát triển từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đặt nền móng để hiện thực hóa cho một chế độ phù hợp với lợi ích căn bản của con người. Đó là giá trị nhân bản lớn nhất, đích thực nhất và cũng thể

hiện những giá trị về “quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc” trong một chế độ xã hội tốt đẹp mà mục tiêu cuộc cách mạng này hướng đến.

3 Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam, các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc theo các khuynh hướng phong kiến hay tư sản, tiểu tư sản (dù là cải lương hay cách mạng), đều không thành công. Điều cơ bản có thể thấy rõ, các cuộc đấu tranh này không giúp cho mỗi người dân tự xác định rõ ý thức về sức mạnh cũng như quyền làm chủ của bản thân mình. Khắc phục hạn chế này, con đường độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam nhằm mục tiêu khẳng định quyền của cá nhân và của dân tộc, trước hết là quyền về sự chủ động và khả năng làm chủ của bản thân mỗi người, trong đó có quyền lựa chọn về con đường phát triển; gắn chặt chẽ lợi ích của bản thân, của giai cấp với lợi ích của toàn dân tộc. Điểm đích của con đường này nhằm đem lại “quyền cho dân chúng số nhiều” và “dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật...”.

Trải qua hơn 30 năm kháng chiến chống lại các thế lực thực dân, đế quốc xâm lược hung bạo, dân tộc Việt Nam kiên cường đấu tranh trước hết để bảo vệ quyền sống, bảo vệ tự do, nhân phẩm của dân tộc. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ này, tất cả người dân Việt Nam phấn đấu cho mục tiêu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” - độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Quyền vốn dĩ tự nhiên đó của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam được cộng đồng quốc tế đón nhận như là một trong những tư tưởng lớn của thời đại. Đây là sự đóng góp của Việt Nam trong cuộc đấu tranh để bảo vệ quyền tự quyết dân tộc và tự do lựa chọn con đường phát triển cho các nước khác trong thế kỷ XX.

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, chính sách nhất quán của Việt Nam là đặt con người ở vị trí trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, trong đó, thúc đẩy và bảo vệ quyền của người dân được xem là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đại hội XIII (2021) của Đảng một lần nữa khẳng định tinh thần, quan điểm bảo đảm, bảo vệ quyền của người dân, quyền và nghĩa vụ của công dân với việc thông qua những chính sách cụ thể, toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong quan hệ hợp tác với các tổ chức, quốc gia trên thế giới.

Những thành tựu đạt được và sự thụ hưởng của người dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam xuất phát từ nhận thức, quan điểm tiếp cận đúng về vấn đề “quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”, đảm bảo sự “tự do và bình đẳng về quyền lợi” cũng như quyết tâm hiện thực hóa các chủ trương, chính sách đã được ban hành từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở trong cả nước. Các quyền dân chủ trực tiếp và gián tiếp ngày càng được chú trọng, bổ sung và cụ thể hóa để bảo đảm hiệu quả và hoàn thiện hơn cũng như sự phối hợp giữa các thiết chế dân chủ đã được xây dựng. Trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội, các đối tượng tham gia và thụ hưởng theo hướng mở rộng và thiết thực hơn. Đặc biệt, với quan điểm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển, Việt Nam chủ trương “phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển”⁷ và thực thi “các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế”⁸. Việt Nam là quốc gia thứ hai trên thế giới

và là quốc gia đầu tiên ở khu vực ký kết “Công ước quốc tế về quyền trẻ em”. Nhà nước triển khai nhiều chính sách quan tâm đặc biệt đến trẻ em, nhất là việc khám, chữa bệnh miễn phí, giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và suy dinh dưỡng... Việt Nam cũng đã tham gia “Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với nữ giới”, “Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật”,... Vai trò của phụ nữ Việt Nam trong xã hội ngày càng được nâng cao. Hệ thống các cơ quan thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ được thiết lập và phát triển ở tất cả các cấp trong toàn quốc. Hiện nay, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội tăng lên 30,26%, lần đầu tiên Việt Nam vượt qua ngưỡng quan trọng được xác định là cần thiết để phụ nữ có tác động rõ ràng đến quá trình ra quyết định⁹.

Nhiều thành tựu trong phát triển con người của Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam đạt kết quả tích cực, xếp thứ 116 trong số 189 nước, thuộc thứ hạng cao của nhóm các nước trung bình¹⁰. Chương trình Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) được Việt Nam triển khai về đích nhiều mục tiêu sớm trước thời hạn¹¹ và hiện nay tích cực thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc.

Như vậy, thành tựu trong việc đem lại quyền lợi thiết thân, ngày càng được cải thiện của mỗi người dân đạt được ở Việt Nam trong thời gian qua là rất to lớn và cơ bản. Chính những nỗ lực phấn đấu và thành quả thực hiện trong suốt thời gian qua đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Trên các vấn đề chung của thế giới, Việt Nam chủ động, tích cực phối hợp với các nước để đấu tranh, bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc, như: nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ của các nước, không sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực, bảo vệ lợi ích

chân chính của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam,... Các thiết chế quan trọng của Liên Hợp quốc (Ủy ban Nhân quyền/Hội đồng nhân quyền, Hội đồng Kinh tế - Xã hội, Hội đồng bảo an,...) ngày càng ghi nhận sự tham gia và hoạt động tích cực, trách nhiệm của Việt Nam hơn.

Đây là thông tin “biết nói”, là những minh chứng sống động hơn bao giờ hết về tiến trình đấu tranh bảo vệ quyền tự quyết dân tộc và sự tự lựa chọn của nhân dân Việt Nam kể từ năm 1945 đến nay. Điều này cũng trực tiếp bác bỏ quan điểm cho rằng, Việt Nam đã “tự đánh mất”, “thụt lùi lịch sử”, “bỏ qua cơ hội”,... để trở thành một nước giàu có, văn minh hơn.

Bên cạnh những thành tựu về kinh tế - xã hội, tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định trong những năm qua, Việt Nam vẫn là một nước thu nhập trung bình thấp, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn rất nhiều khó khăn. Mặc dù mức độ ít hơn so với nhiều nước, nhưng khoảng cách bất bình đẳng tiếp tục có sự gia tăng. Trình độ phát triển của Việt Nam còn khoảng cách khá xa so với nhiều nước trong khu vực... Đây là những thách thức không nhỏ đối với Việt Nam trên con đường phát triển.

Sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và phát triển của Việt Nam không chỉ minh chứng cho một hướng đi đúng, phù hợp với thực tiễn đất nước, mà hơn nữa, góp phần định hình nên một con đường phát triển sau chiến tranh và hội nhập quốc tế như nhiều lần Liên Hợp quốc ghi nhận, đánh giá cao trong gần 40 năm qua. Cuộc đấu tranh khẳng định giá trị độc lập của dân tộc, tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của người dân trên mảnh đất quê hương của mình cũng là sự đóng góp quan trọng của Việt Nam đối với các nước khác trong tiến trình tìm kiếm, xác lập nên những giá trị chung của nhân loại.

1. Quan hệ quốc tế hiện đại được định hình từ giữa thế kỷ XVII (với Hiệp ước Westphalia giữa các quốc gia ở lục địa châu Âu). Từ thời điểm này, “Khái niệm chủ quyền quốc gia được thiết lập”, “việc lựa chọn cấu trúc trong nước và định hướng tôn giáo mà không bị can thiệp đã được khẳng định”... Theo Henry Kissinger: *Trật tự thế giới (World Order)*, Nxb Thế giới, H, 2018, tr. 51

2. Hiến chương Liên Hợp quốc, Chương I, Điều 1, Mục 2 nêu: “phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc về quyền bình đẳng và tự quyết dân tộc, và thực thi các biện pháp phù hợp để tăng cường nền hòa bình phổ quát”. Xem <https://www.un.org/en/sections/un-charter/chapter-i/index.html>, truy cập ngày 14-9-2023

3. UN: *Declaration on the Granting of Independence to Colonial Countries and Peoples*, Adopted by General Assembly resolution 1514 (XV) of 14 December 1960, <https://www.un.org/en/decolonization/declaration.shtml>, truy cập ngày 14-9-2023

4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 2, tr. 296

5. *C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, T. 4, tr. 628

6. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M, 1979, T. 12, tr. 53

7, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG, H, 2021, T. 1, tr. 148, 150

9. UNDP: *Vị thế và vai trò của phụ nữ Việt Nam trong đời sống chính trị - xã hội*, <https://www.undp.org/vi/vietnam/blog/vi-the-vai-tro-phu-nu-viet-nam-trong-doi-song-chinh-tri-xa-hoi>, truy cập ngày 14-9-2023

10. UNDP: *Human Development Indices and Indicators (Viet Nam's 2018 Statistical updates)*, <https://www.undp.org/content/dam/vietnam/img/undp-vn-hdr-stats-2018.pdf>, truy cập ngày 14-9-2023, tr. 6

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo về tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam năm 2010*, <http://www.mpi.gov.vn/portal/pls/portal/docs/6549135.PDF>, truy cập ngày 14-9-2023.